Phong GD&ÑT Dau Tieng
Tröông Mam Non 13/3

VU GIAO DUC MAM NON
Thö ba,ngay 12/05/2026

HOA ÑÔN ÑI CHÔ

Böa an :An Chính
Ño tuoi :Mau giao
Tong so tre :311

Sang : bun rieu cua thòt ca chua tröng gia
ñau hu huyet ngo gai
Söa grow
Tröa : Côm xuc xích rim xì dau
Canh cu den khoai tay ca rot su su thòt bo
ngo rí
Mon xao: gia he
Xe: banh plan
Xe chieu: Chao ca loc nau bau nam ca rot

So Tien Tren Moi Tre 36964

STT	Ten thöc pham	Khoi löông(g)	Ñôn gia(ñ/100g)	Thanh tien(ñ)
	*CHÔ			
1	Ram (muoi)	1,000	1,060	10,600
2	Cua ñong	1,000	20,900	209,000
3	Ca loc	4,000	18,480	739,200
4	Nöôc mam Ca (loai 1)	3,000	6,820	204,600
5	Dau thao moc	3,000	6,280	188,400
6	Ñöông cat	3,000	3,880	116,400
7	Dau me	1,000	4,200	42,000
8	Xì dau	3,000	1,100	33,000
9	Gao te may	23,000	2,630	604,900
10	Hanh la	1,500	5,360	80,400
11	Hanh cu töôi	1,000	6,300	63,000
12	Ca rot	6,000	5,570	334,200
13	Gia ñau xanh	1,000	2,780	27,800
14	Nam rôm	500	14,180	70,900
15	Ca chua	3,500	6,300	220,500
16	Rau mui tau (ngo gai)	100	6,620	6,620
17	Cu den (cu gien)	3,500	5,250	183,750
18	Su su	3,000	3,360	100,800
19	Khoai tay	3,000	4,520	135,600
20	Rau ngo (Rau mui)	100	8,820	8,820
21	He la	4,000	4,830	193,200
22	Bí (bau)	2,000	3,570	71,400
23	Bun	18,000	1,710	307,800
24	Ñau hu chien	3,000	3,300	99,000
25	Xuc xích	9,500	17,600	1,672,000
26	Banh plan	31,100	6,770	2,105,470
27	Thòt lôn nac	6,900	18,900	1,304,100
28	Tiet luoc	1,500	4,290	64,350
29	Thòt bo loai 1	2,000	37,910	758,200
30	Tröng vòt	2,700	5,400	145,800
	Cong			**10,101,810**
	*XUAT KHO			
31	Söa bot Abbot Grow	6,800	20,500	1,394,000
	Cong			**1,394,000**

Tong tien thöc pham	**11,495,810** ñ
Chi phí khac	0(ñ)
Tien ñöôc chi trong ngay	11507000(ñ)
So dö ñau ngay	0(ñ)
So dö cuoi ngay	11190(ñ)
Xuat an luy ke tö ñau thang	
Tieu chuan luy ke tö ñau thang	
Tien chi luy ke tö ñau thang	

Phó Hiệu Trưởng Duyệt

TRƯỜNG MẦM NON 13/3

Tương Ngọc Thúy Tiên